

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Ông Đặng Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Lê Phương H, sinh năm 1991 (vắng mặt –có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 54G, khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Lê Phương H trình bày:

Bà H và ông T tìm hiểu nhau một thời gian thì quyết định tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 06/02/2010. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại ấp T, xã L, thành phố B. Vợ chồng chung sống đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H và ông T bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Đã nhiều lần bà H nói chuyện với ông T để tìm tiếng nói chung, giải quyết mâu thuẫn và để cho con cái có mái ấm trọn vẹn nhưng mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Đến tháng 02/2017 thì bà H ra ngoài ở riêng và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm ai. Nay, bà H không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Võ Hoài N, sinh ngày 22/6/2010 và Võ Hoài V, sinh ngày 26/01/2013. Theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, đồng ý giao cháu N cho ông T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 06/01/2022 bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu V và N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai cháu V và cháu N ngày 10/02/2022 thì hai cháu có nguyện vọng ở bà H.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn ông Võ Văn T: Quá trình tố tụng, tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh, ông Võ Văn T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: tổ 12, ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T, kết quả được chính quyền địa phương cho biết như sau “.. bà H và ông T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng thì địa phương không rõ nhưng bà H, ông T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau...”.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Lê Phương H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Văn T, hiện nay ông T đang cư trú tại xã L, thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H yêu cầu ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Lê Phương H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của bà H, giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã L cấp, có đủ cơ sở khẳng định bà H và ông T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2010 tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, đây là hôn nhân hợp pháp và được công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông T không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến cãi nhau, bà H và ông T đã ly thân từ tháng 02/2017. Quá trình giải quyết vụ án, đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Võ Văn T vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải, kết hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên là Võ Hoài N, sinh ngày 22/6/2010 và Võ Hoài V, sinh ngày 26/01/2013. Xét thấy cháu N và cháu V có nguyện vọng được ở với bà H, bà H có công việc ổn định, có thu nhập và hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, Tòa án giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở. Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Lê Phương H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và đình gia sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lê Phương H về việc xin ly hôn ông Võ Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lê Phương H được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Hoài N, sinh ngày 22/6/2010 và Võ Hoài V, sinh ngày 26/01/2013 cho bà Trần Lê Phương H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H không yêu cầu Tánh phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H và ông T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Lê Phương H phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004233 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- UBND xã Long Phước;
- (Số 09, Quyển 01/2010,
- Ngày 06/02/2010)
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

LÊ THỊ HOÀI NAM